

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 -2024

V/v “ Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 03/4/2024 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Đào Thị Thùy L1, sinh năm 1996 ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân L2, sinh năm 1988 ( vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Đào Thị Thùy L1 trình bày chị và anh Nguyễn Xuân L2 đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị đoàn tụ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L2 thường xuyên đi làm xa, chơi bời và nợ nần, ít quan tâm đến vợ, con, chị L1 cũng đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh L2 không thay đổi, dẫn đến vợ chồng anh, chị không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị L1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân L2.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 ( hai) con chung, tên các cháu là Nguyễn Thị Diệu C, sinh ngày 24/11/2017 và cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/8/2022. Hiện nay các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị L1. Ly hôn nguyện vọng của chị L1 xin được nuôi cháu T, giao cho anh L2 trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người nuôi một cháu không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị L1 hiện tại đang kinh doanh tại nhà, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng. Chị xét thấy có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi con.

*Về tài sản và phân nợ:* Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân L2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án anh L2 trình bày: Anh và chị L1 đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2014 tại UBND xã B, huyện T trên tinh thần tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L2 thường xuyên đi làm xa, ít có thời gian về thăm vợ con, mặt khác anh L2 ham chơi dẫn đến nợ nần nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nguyện vọng của anh mong muốn được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị L1 vẫn quyết tâm xin ly hôn thì anh L2 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh L2 trình bày vợ chồng có 02 con chung với nhau, họ tên và ngày tháng năm sinh của các cháu như chị L1 trình bày là hoàn toàn đúng. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của anh L2 xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Diệu C, sinh ngày 24/11/2017, giao cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/8/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập bình quân hàng tháng của anh L2 là 10.000.000đ nên anh xét thấy đủ điều kiện để nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Đào Thị Thùy L1 ly hôn anh Nguyễn Xuân L2. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Xuân T, giao cho anh L2 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Diệu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vợ chồng anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân L2 cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đào Thị Thùy L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Xuân L2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh L2 trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Đào Thị Thùy L1 và anh Nguyễn Xuân L2 đăng ký kết hôn ngày 10/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh L2 chưa thực sự quan tâm đến gia đình, còn ham chơi dẫn đến nợ nần nên vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, không còn tình cảm nên chị L1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải vào ngày 06/01/2024 tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nhưng chị L1 vẫn giữ nguyên quan điểm và tha thiết được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đào Thị Thùy L1 và anh Nguyễn Xuân L2 được ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung với nhau, tên các cháu là Nguyễn Thị Diệu C, sinh ngày 24/11/2017 và cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/8/2022. Hiện nay các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị L1. Ly hôn anh chị đều có nguyện vọng chị L1 trực tiếp nuôi cháu T, anh L2 trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 20/02/2024 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị L1 và anh L2. Tại buổi xác minh UBND xã B cho biết anh, chị có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Hiện nay

vợ chồng anh chị đang sống tại thôn Đ, xã B. Vợ chồng anh, chị có 02 con chung, các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt. Chị L1 và anh L2 đều khỏe mạnh và có thu nhập, không vi phạm pháp luật. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con chung của chị L1 và anh L2 thì thấy: Hiện nay anh, chị đều có thu nhập và điều kiện kinh tế, có sức khỏe, do vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu bé và ổn định về tâm lý, sức khỏe, học tập của các cháu bé, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị L1 và anh L2. Chị L1 trực tiếp nuôi cháu T, anh L2 trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Đào Thị Thùy L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

2. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Thùy L1. Xử cho chị L1 và anh Nguyễn Xuân L2 ly hôn.

3. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị L1 và anh L2. Giao cho chị L1 trực tiếp nuôi cháu T, anh L2 trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị L1 và anh L2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung người trực tiếp nuôi con chung không chăm sóc chu đáo, ảnh hưởng đến sự phát triển về sức khỏe, học tập và sinh hoạt của bé, thì anh, chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

4. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

5. *Về án phí*: Chị Đào Thị Thùy L1 phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002751 ngày 05 tháng 01 năm 2024 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị L1 đã nộp đủ.

6. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Đào Thị Thùy L1 và anh Nguyễn Xuân L2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã B
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**